**Phụ lục số 01-MP**

*PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ (FOR OFFICIAL USE)*

*Ngày cấp số tiếp nhận (Date acknowledged):* 24/01/2022

*Số tiếp nhận số công bố (Product Notification No.):* 09/22/CBMP-HNa

*Phiếu công bố có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp*

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH HÀ NAM

PHÓ GIÁM ĐỐC
DS: TRẦN VIẾT HUỆ

# PHIẾU CÔNG BỐ SẢN PHẨM MỸ PHẨM
# TEMPLATE FOR NOTIFICATION OF COSMETIC PRODUCT

☑ Đánh dấu vào ô thích hợp (*Tick where applicable)*

## THÔNG TIN SẢN PHẨM
## PARTICULARS OF PRODUCT

1. Tên nhãn hàng và tên sản phẩm (Name of brand & product) :

1.1 Nhãn hàng (Brand)

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| S | A | O | | T | H | Á | I | | D | Ư | Ơ | N | G | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

1.2 Tên sản phẩm (Product Name)

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| K | E | M | | N | G | H | Ệ | | & | | V | I | T | A | M | I | N | | T | H | Á | I | | D | Ư | Ơ | N | G | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

1.3 Danh sách các dạng hoặc màu (List of Variants or Shade). Tên (Names):

10g, 20 g, 30 g, 35 g, 50 g, 90 g, 100 g, 120 g, 150 g, 200 g